TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **94**/2024/DS-ST
Ngày: 08/7/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: **Bà Lê Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Văn Đông**

Ông Nguyễn Xuân Luyện

Thư ký phiên toà: **Bà Phạm Hồng Hà –** Thẩm tra viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: **Ông Vũ Trường Giang -** Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 191/2023/TLST-DS ngày 09/11/2023 về việc: "**Tranh chấp hợp đồng tín dụng"***;* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXX-DS ngày 03/6/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2024/QĐST-HPT ngày 20/6/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đ c Việt Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trụ sở: Số 22 Ngô Q, phường Tràng T, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quốc H – Chuyên viên tố tụng (Giấy uỷ quyền số 25113/UQ-PVB ngày 30/12/2022). *(Có mặt)*

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1980

Địa chỉ: P905 – E2 E, tổ 6, phường Phúc L, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H trình bày:***

Ông Nguyễn Minh T ký Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số: 01102020/HĐTD/PVB-CN Hà Nội ngày 01/10/2020 với Ngân hàng TMCP Đ c Việt

Nam (gọi tắt là P), nội dung cơ bản như sau: Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020 Số tiền vay: 632,000,000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, ngày giải ngân: 18/9/2020, mục đích: Vay mua ô tô. Lãi suất cho vay trong hạn: Quy định trong Hợp đồng cho vay hoặc/ và trong khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được. Phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là ngày 15 hàng tháng.

Ngày 01/10/2020, ông Nguyễn Minh T đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số: 01102020/HĐTD/PVB-CN Hà Nội. Hạn mức thẻ tín dụng: 20,000,000, thời hạn: 03 năm.

Tài sản bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng là 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER màu đen, BKS 29H-450.31, Số máy: YM2QW061782; Số khung: FF40LW061782; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 738835 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2020 cho ông Nguyễn Minh T. Nội dung thế chấp căn cứ Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 164/2020/HĐBĐ/PVB-HN ngày 17/9/2020. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, P đã thực hiện việc giải ngân đầy đủ theo thỏa thuận giữa Bên vay với P theo Hợp đồng tín dụng, kèm theo khế ước nhận nợ đã ký kết. Tính đến hết ngày 30/5/2024, Bên vay đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P như sau:

Nội dung	**Nợ gốc (VNĐ)**	**Nợ lãi (VNĐ)**	**Tổng (VNĐ)**
Hợp đồng tín dụng	21.074.638	9.214.820	30.289.458
Tổng nợ đã trả: 30.289.458 đồng (Bằng chữ: Ba mươi triệu hai trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi tám đồng)			

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông T là khách hàng đã vi phạm các nghĩa vụ trả nợ. Ngay từ khi khoản vay chuyển nợ quá hạn, P đã làm việc với khách hàng, gửi thông báo thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng khách hàng đều cố tình không thực hiện và có dấu hiệu trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Tính đến hết ngày 07/7/2024, ông Nguyễn Minh T còn nợ P số tiền là:

- Đối với Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020: 978.839.312 đồng, trong đó 610.925.362 đồng nợ gốc, 180.172.301 đồng nợ lãi trong hạn, 152.153.622 đồng nợ lãi quá hạn, 35.588.027đồng lãi chậm trả lãi.

- Đối với Dư nợ thẻ tín dụng là: 106.365.688 đồng, trong đó nợ gốc là 19.000.000đồng, nợ lãi là 87.365.688 đồng.

Tổng cộng là: **1.085.205.000** (*Một tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm lẻ ngăm nghìn đồng*).

Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Minh T phải trả cho P tổng số tiền gốc và lãi của các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Buộc ông Nguyễn Minh T phải trả cho P các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất đã thoả thuận theo các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/7/2024 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Kể từ ngày bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành, nếu ông Nguyễn Minh T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm của các khoản vay nói trên để thanh toán nợ của ông Nguyễn Minh T tại P. Tài sản bảo đảm cho các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER màu đen, BKS 29H-450.31, Số máy: YM2QW061782; Số khung: FF40LW061782; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 738835 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2020 cho ông Nguyễn Minh T.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Minh T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

**** Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn: Ông Nguyễn Minh T có lời khai*** thừa nhận việc có ký kết Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020 và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số: 01102020/HĐTD/PVB-CN Hà Nội ngày 01/10/2020 với Ngân hàng TMCP Đ c Việt Nam (P). Để đảm bảo cho khoản vay ông đã thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER màu đen, BKS 29H-450.31, Số máy: YM2QW061782; Số khung: FF40LW061782; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 738835 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2020 cho ông Nguyễn Minh T theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 164/2020/HĐBĐ/PVB-HN ngày 17/9/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã trả được số tiền là 30.289.458 đồng nhưng do thời điểm Covid nên ông T không có tiền để đóng tiếp. Sau khi hết dịch bệnh ông T đã đến Ngân hàng để xử lý nợ và tái cơ cấu trả nợ nhưng phía ngân hàng yêu cầu tất toán khoản vay nên ông T chưa có khả năng giải quyết khoản nợ vào thời điểm đó. Nay ông T có quan điểm là sẽ gặp trực tiếp ngân hàng để thỏa thuận xin miễn giảm lãi xuất khoản vay trong thời gian 3 ngày làm việc. Sau thời gian trên, ông T đã vắng mặt khỏi địa phương. Tòa án đã tiến hành niêm yết, tống đạt các văn bản, tài liệu tố tụng theo đúng quy định nhưng ông T không đến làm việc; không cung cấp thêm tài liệu cũng như đưa quan điểm giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền gốc, tiền lãi đối với bị đơn. Và có quan điểm đề nghị Toà án tuyên: trường hợp ông Nguyễn Minh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ tại P theo Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu đen, BKS 29H-450.31, số máy YM2QW061782; số khung FF40LW061782, theo giấy chứng nhận ô tô số 738835 do Công an thành phố Hà Nội cáp ngày 16/9/2020 cho ông Nguyễn Minh T để trả nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Nguyễn Minh T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Bị đơn: đã được toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ 2 vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Về chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật, bị đơn chấp hành chưa tốt quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự tại phiên tòa xác định: các Hợp đồng tín dụng là hợp pháp, đúng quy định. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến nợ quá hạn, vì vậy Ngân hàng TMCP Đ c Việt Nam yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ là có căn cứ và cần chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam, buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/5/2024 là 1.060.143.633 đồng (trong đó bao gồm dư nợ gốc là 610.925.362 đồng, nợ lãi trong hạn là 177.620.493 đồng, dư nợ lãi quá hạn là 142.411.089 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 33.687.735 đồng và Dư nợ thẻ tín dụng là 95.498.954 đồng). Ông T vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo quy định của hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp phía bị đơn không thanh toán khoản nợ gốc và lãi trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục THADS có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm cho khoản vay trên. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát

mại tài sản bảo đảm nêu trên không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của ông Nguyễn Minh T tại P, ông T phải tiếp tục thanh toán hết nghĩa vụ nợ cho P. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Minh T có hộ khẩu thường trú và hiện ở tại P905-E2 E, tổ 6, phường Phúc L, quận Long Biên, TP Hà Nội, do vậy theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn – ông Nguyễn Quốc H có mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tính hợp pháp của hợp đồng: Ông Nguyễn Minh T (Sau đây gọi là "Bên vay") ký Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020 (Sau đây gọi là "Hợp đồng tín dụng") với Ngân hàng TMCP Đ c Việt Nam (P), nội dung cơ bản như sau: Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020. Số tiền vay: 632,000,000 đồng, thời hạn vay: 60 tháng, ngày giải ngân: 18/9/2020, mục đích: Vay mua ô tô. Lãi suất cho vay trong hạn: Quy định trong Hợp đồng cho vay hoặc/ và trong khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được. Phương thức trả nợ: Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là ngày 15 hàng tháng. Ngày 01/10/2020 ông Nguyễn Minh T đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số: 01102020/HĐTD/PVB-CN Hà Nội. Hạn mức thẻ tín dụng: 20,000,000, thời hạn: 03 năm; Nội dung hợp đồng các bên tự nguyện ký kết, xác định rõ quyền và nghĩa vụ của các bên về lãi suất, thời hạn trả nợ, mục đích vay, về tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay. Việc các bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, người ký hợp đồng đúng thẩm quyền, cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội, do vậy các hợp đồng tín dụng phát sinh hiệu lực đối với các bên, các bên có trách nhiệm thực hiện.

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020, ông Nguyễn Minh T đã thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD RANGER màu đen, BKS 29H-450.31, Số máy: YM2QW061782; Số khung: FF40LW061782; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 738835 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2020 cho ông Nguyễn Minh T. Việc giao kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, đã được đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng trình tự pháp luật quy định, nội dung và hình thức hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh hiệu lực đối với các bên, các bên phải có trách nhiệm thực hiện.

[2.2] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, P đã thực hiện việc giải ngân đầy đủ theo thỏa thuận giữa Bên vay với P theo khế ước nhận nợ ngày 18/9/2020 và cung cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Minh T. Ông Nguyễn Minh T đã sử dụng và giao dịch trên thẻ tín dụng được cấp. Tính đến hết ngày 30/5/2024, ông T đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P tổng số tiền là: 30.289.458 đồng, trong đó có 21.074.638 đồng tiền gốc, 9.214.820 đồng tiền lãi. Và tiêu dùng 19.000.000đồng tiền gốc tại thẻ tín dụng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Minh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng dẫn đến các khoản nợ quá hạn. Vì vậy, P khởi kiện yêu cầu buộc ông Nguyễn Minh T phải trả nợ gốc và lãi phát sinh là có căn cứ và đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[2.3] Về số tiền phải trả: Tính đến ngày 07/7/2024, ông Nguyễn Minh T còn nợ P:

- Theo Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020 là: **978.839.312 đồng**, trong đó 610.925.362 đồng nợ gốc, 180.172.301 đồng nợ lãi trong hạn, 152.153.622 đồng nợ lãi quá hạn, 35.588.027đồng lãi chậm trả lãi.

- Theo hợp đồng thẻ tín dụng là: **106.365.688 đồng**, trong đó nợ gốc là 19.000.000đồng, nợ lãi là 87.365.688 đồng.

Tổng số là: **1.085.205.000** (*Một tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng*).

Nay P yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Minh T phải thanh toán số tiền nợ gốc, lãi nêu trên là có căn cứ cần được chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Minh T phải trả số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 07/7/2024 là: **1.085.205.000** (*Một tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng*) cho Ngân hàng. Ông Nguyễn Minh T phải tiếp tục trả lãi đối với số tiền gốc kể từ ngày 08/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ kèm theo là phù hợp quy định tại điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

[2.4] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay, Hội đồng xét xử thấy, tại thời điểm thế chấp các đương sự tự nguyện giao kết Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 164/2020/HĐBĐ/PVB-HN ngày 17/9/2020 thế chấp 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD

RANGER màu đen, BKS 29H-450.31, Số máy: YM2QW061782; Số khung: FF40LW061782; theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 738835 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2020 mang tên ông Nguyễn Minh T để đảm bảo cho khoản vay 632,000,000 đồng theo Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020. Hình thức và nội dung hợp đồng đều phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản bảo đảm tại Hà Nội ngày 17 tháng 9 năm 2020. Như vậy hợp đồng thế chấp ô tô đã được ký kết và đăng ký bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật, các bên phải thực hiện. Do đó trong trường hợp ông Nguyễn Minh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng theo Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi khoản nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng Đại chúng Việt Nam thì ông ông Nguyễn Minh T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

[2.5] Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại của pháp luật. Ngân hàng TMCP Đ c Việt Nam được trả lại tiền tạm ứng án phí. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khản 1 Điều 39; Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 292, 295, 298, 299, 323 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ c Việt Nam đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T.

2. Buộc ông Nguyễn Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ c Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020, khế ước nhận nợ kèm theo và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng tín dụng số: 01102020/HĐTD/PVB-CN Hà

Nội ngày 01/10/2020 tính đến ngày 07/7/2024 là **1.085.205.000** (*Một tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, hai trăm lẻ năm nghìn đồng*). Trong đó bao gồm: 610.925.362 đồng tiền nợ gốc, 180.172.301 đồng tiền nợ lãi trong hạn, 152.153.622 đồng nợ lãi quá hạn, 35.588.027đồng lãi chậm trả lãi và dư nợ thẻ tín dụng là 106.365.688 đồng (nợ gốc là 19.000.000đồng, nợ lãi là 87.365.688 đồng).

3. Buộc ông Nguyễn Minh T phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ kể từ ngày 08/7/2024 cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

4. Trường hợp ông Nguyễn Minh T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ tại Ngân hàng P theo Hợp đồng cho vay số 164/2020/HĐTD/PVB-HN ngày 17/9/2020 thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu đen, BKS 29H-450.31, số máy YM2QW061782; số khung FF40LW061782, theo giấy chứng nhận ô tô số 738835 do Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2020 cho ông Nguyễn Minh T để trả nợ cho P. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên vẫn không đủ trả nợ cho P thì ông Nguyễn Minh T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

5. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 44.556.000 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng TMCP Đ c Việt Nam số tiền 17.952.000đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0018277 ngày 07/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND cùng cấp
- Cơ quan THA dân sự
- Đương sự
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Loan